**NGHIÊN CỨU CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

# *ThS. Phan Xuân Quang Minh*

***Khoa Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế***

***Tóm tắt:*** *Chi đầu tư công hiện nay chiếm một tỷ trọng khá lớn trong tổng chi ngân sách hằng năm. Do đó việc thực hiện nghiên cứu: “Công tác kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản từ Ngân sách tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế” nhằm tìm hiểu về thực trạng công tác kiểm soát chi đầu tư hiện nay như thế nào? Có hiệu quả hay không là một trong những vấn đề cấp thiết hiện nay. Trong nội dung của bài viết, tác giá dựa trên các phương pháp phân tích tình huống như phỏng vấn trực tiếp hay khảo sát qua hồ sơ tài liệu để từ đó, phát hiện những vấn đề đã đạt được hay còn hạn chế trong công tác kiểm soát. Đặc biệt trả lời câu hỏi hệ thống TABMIS liệu có thể tham gia hoàn toàn vào công tác kiểm soát chi đầu tư hiện nay trong một tương lai gần hay không?*

*Ý nghĩa về khoa học mà nghiên cứu này mang lại là cho ta thấy được một cái nhìn cụ thể hơn về công tác kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước hiện nay, và đề xuất các giải pháp mang tính khái quát và hệ thống như xây dựng một hệ thống kiểm soát tự động hoàn toàn, điều mà các luận văn về kiểm soát chi đầu tư trước chưa đề cập. Về thực tiễn, tác giả hy vọng nghiên cứu có thể đóng góp ý kiến cho chính phủ, cho bộ tài chính, cho kho bạc nhà nước các cấp về nâng cao khả năng công tác kiểm soát chi tại kho bạc nhà nước, chứ thực tế công tác kiểm soát chi tại kho bạc chỉ mang tính kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ chứ chưa tham gia sâu vào chi tiết các dự án công trình.*

***Từ khóa:*** *Kiểm soát chi, đầu tư xây dựng cơ bản, TABMIS, thủ công, tự động.*

**Đặt vấn đề**

Trong quá trình công nghiệp hóa- hiện đại hóa (CNH- HĐH) cả nước nói chung và Thừa Thiên Huế nói riêng, vốn đầu tư xây dựng cơ bản (XDCB) từ Ngân sách Nhà nước (NSNN) chiếm tỷ trọng lớn và ngày càng tăng. Ở Thừa Thiên Huế vốn đầu tư xây dựng cơ bản chiếm đến 30% trong tổng số chi NSNN và chủ yếu là nguồn thu từ ngân sách trung ương . Điều đó khẳng định vai trò to lớn của đầu tư phát triển đối với nền kinh tế, trong đó đầu tư XDCB để xây dựng các kết cấu hạ tầng là một tiền đề cơ bản. Chính vì vậy, quản lý quá trình chi nguồn vốn này nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; đặc biệt chống lại các hiện tượng tiêu cực làm thất thoát NSNN và có vai trò đặc biệt quan trọng được Nhà nước và chính quyền các cấp thường xuyên quan tâm. Tăng cường công tác Kiểm soát chi (KSC) đầu tư XDCB có ý nghĩa quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ NSNN.

Đặc biệt từ cuối năm 2012, Bộ Tài Chính (BTC) đã áp dụng chế độ TABMIS (Treasury and Budget Management Information System) quản lý hệ thống ngân sách trên toàn hệ thống KBNN. Đã có một số năm nghiên cứu về chế độ này tác giả nhận thấy công tác Kiểm soát chi ngân sách nhà nước trên hệ thống TABMIS tập trung chủ yếu vào mảng Chi thường xuyên (CTX) từ khâu lập dự toán,theo dõi trên tài khoản,đến phân bổ định mức và hạch toán. Còn về mảng Chi vốn đầu tư XDCB thì công tác Kiểm soát chi hiện nay chủ yếu được thực hiện thủ công do cán bộ tại Kho bạc thực hiện còn phần mềm TABMIS chỉ thực hiện bút toán dự toán, và hạch toán chi ngân sách sau khi đã được Kiểm soát chi. Do đó, tác giả nhận thấy rằng việc tìm kiếm những giải pháp hoàn thiện công tác Kiểm soát chivốn đầu tư XDCB từ NSNN, đặc biệt là hoàn thiện hệ thống TABMIS trong công tác kiểm soát chi đầu tư XDCB từ NSNN, nhằm tăng hiệu quả đầu tư, tiết kiệm ngân sách, chống thất thoát, lãng phí là việc làm cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay.

Xuất phát từ những lý do đó, tác giả đã mạnh dạn lựa chọn đề tài: ***“Nghiên cứu công tác kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản từ Ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế”*** để làm đề tài nghiên cứu của mình.

1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

##### ***- Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các tài liệu, những vấn đề liên quan đến công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN tại KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế.

*- Phương pháp nghiên cứu*

##### *Phương pháp thu thập thông tin, số liệu*

Thông tin, số liệu thứ cấp: Được thu thập từ các cơ quan ban ngành liên quan từ Trung ương đến địa phương.

Thông tin, số liệu sơ cấp: Phương pháp điều tra chọn mẫu được sử dụng để phỏng vấn các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, các cán bộ của KBNN tỉnh, thành phố và các huyện có liên quan trực tiếp đến công tác kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB tại KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trong nghiên cứu có sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá và phân tích hồi quy bội. Với số lượng 22 biến quan sát trong thiết kế điều tra thì cần phải đảm bảo có ít nhất 110 quan sát trong mẫu điều tra. Để đảm bảo yêu cầu, mẫu điều tra của tác giả là 150 phiếu, đây là các đối tượng có liên quan đến công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN tại Kho bạc.

##### *Phương pháp tổng hợp và phân tích*

Thông tin thu thập được làm sạch, xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Thang đo sau khi được đánh giá bằng phương pháp hệ số tin cậy Cronbach Alpha. Các phương pháp được sử dụng như thống kê mô tả, phương pháp so sánh, phân tổ thống kê… Phương pháp toán kinh tế: Phân tích nhân tố khám phá và hồi quy tương quan.

2. Kết quả và thảo luận

*2.1 Kết quả nghiên cứu*

*2.1.1 Tình hình tạm ứng vốn đầu tư XDCB tại KBNN Thừa Thiên Huế*

Từ bảng 1 cho thấy, tỷ lệ tạm ứng vốn đầu tư XDCB ở KBNN Thừa Thiên Huế có chiều hướng tăng giảm theo từng giai đoạn.

**Bảng 1. Tỷ lệ tạm ứng vốn đầu tư XDCB giai đoạn 2015 - 2017**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **2015** | **2016** | **2017** |
| 1 | Kế hoạch vốn đầu tư | Triệu động | 3.377.327 | 3.854.833 | 3.826.931 |
| 2 | Vốn tạm ứng | Triệu động | 395.823 | 232.832 | 398.001 |
| 3 | Tỷ lệ tạm ứng | (%) | 11,72 | 6,04 | 10,40 |

*2.1.2 Kiểm soát quyết toán vốn đầu tư XDCB ở KBNN*

Qua bảng 2 ta thấy số lượng hồ sơ đề nghị thanh toán tăng dần trong cả 3 năm từ 2015 – 2017. Năm 2017 có đến 3578 hồ sơ đề nghị thanh toán khối lượng công trình, dự án về đầu tư XDCB, tăng 13,44% so với năm 2016. Tuy nhiên trong đó, số hồ sơ đề nghị không hợp lý cũng chiếm khoảng 1,5-1,9% mỗi năm. Cụ thể, năm 2015 tỷ lệ hồ sơ đề nghị không hợp lý là 1,86%, năm 2016 là 1,33% và năm 2017 là 1,87%. Nhìn chung, các hồ sơ bị từ chối thanh toán hầu do do chủ đầu tư đề nghị thanh toán không đúng đối tượng, thủ tục đầu tư không đúng quy định, sai số học hoặc do không có trong hợp đồng, dự toán.

**Bảng 2. Số vốn đầu tư XDCB từ NSNN bị từ chối thanh toán trên địa bàn tỉnh TT Huế giai đoạn 2015 – 2017**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Đơn vị tính** | **2015** | **2016** | **2017** | **So sánh (%)** | | | |
| **2016/2015** | | **2017/2016** | |
| **+/-** | **%** | **+/-** | **%** |
| **I** | **Tổng hồ sơ đề nghị** | **Hồ sơ** | **3115** | **3154** | **3578** | **39** | **1,25** | **424** | **13,44** |
| 1 | Hồ sơ hợp lý | Hồ sơ | 3057 | 3112 | 3511 | 55 | 1,80 | 399 | 12,82 |
| 2 | Hồ sơ không hợp lý | Hồ sơ | 58 | 42 | 67 | -16 | -27,59 | 25 | 59,52 |
| 3 | Tỷ lệ hồ sơ đề nghị không hợp lý (%) | % | 1,86 | 1,33 | 1,87 | -0,53 |  | 0,54 |  |
| **II** | **Tổng số vốn đề nghị** | **Tr.đ** | **3.452.532** | **3.682.154** | **3.715.453** | **229.622** | **6,65** | **33.299** | **0,90** |
| 1 | Số vốn đề nghị hợp lý | Tr.đ | 4.069.836 | 3.597.880 | 3.169.216 | -471.956 | -11,60 | -428.664 | -11,91 |
| 2 | Số vốn đề nghị không hợp ly | Tr.đ | 723 | 1.565 | 1.430 | 842 | 116,46 | -135 | -8,63 |
| 3 | Tỷ lệ số vốn từ chối thanh toán (%) | % | 0,02 | 0,04 | 0,04 | 0 |  | 0 |  |

*2.1.3. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến công tác kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản thông qua điều tra số liệu sơ cấp*

Để có cái nhìn tổng quát và chính xác hơn về thực trạng công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB tại Kho bạc TT Huế, tác giả đã tiến hành khảo sát trực tiếp bằng phiếu điều tra hai đối tượng trực tiếp với công tác Kiểm soát chi tại Kho bạc:

- Các Cán bộ công tác tại Kho bạc tỉnh và Kho bạc Huyện, Thành phố. Trong đó:

Đối với Kho bạc tỉnh, tác giả điều tra đối với Ban giám đốc, Phòng Kiểm soát chi. Tổng số phiếu điều tra là 15 phiếu.

Đối với Kho bạc Thành phố và các Huyện, tác giả điều tra khảo sát đối với Ban Giám đốc tuyến huyện và mỗi huyện 02 chuyên viên phụ trách công tác Kiểm soát chi. Tổng số phiếu điều tra là 45 phiếu.

- Các Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án: Đây là những đối tượng thường xuyên tiếp xúc với Kho bạc, có cái nhìn chính xác đối với thực trạng công tác Kiểm soát chi. Hiện tại, trên địa bàn có 22 Chủ đầu tư lớn và hơn 100 đơn vị nhỏ. Tổng số phiếu điều tra là 90 phiếu.

Theo nghiên cứu của tác giả, mẫu điều tra cơ bản phù hợp, đảm bảo được tính đại diện và có thể tiến hành được các phân tích tiếp theo.

Bảng 3. Kiểm định độ tin cậy của các thang đo thành phần

| **STT** | **Biến quan sát** | **Tương quan biến tổng** | **Cronbach’s Alpha nếu loại biến** |
| --- | --- | --- | --- |
| **CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH** | | | **0,971** |
| CC1 | Các văn bản, quy định về kiểm soát chi rõ ràng, phù hợp với thực tế | 0,954 | 0,954 |
| CC2 | Nội dung hệ thống văn bản pháp quy chi tiết, dễ hiểu | 0,888 | 0,973 |
| CC3 | Các mẫu biễu, chứng từ, báo cáo ít thay đổi, đồng bộ và dễ thực hiện | 0,891 | 0,972 |
| CC4 | Hệ thống văn bản, quy phạm pháp luật được công khai, minh bạch | 0,977 | 0,947 |
| **HỐ SƠ THỦ TỤC, QUY TRÌNH NGHIỆP VỤ** | | | **0,792** |
| QT1 | Quy trình kiểm soát chi hợp lý, thống nhất | 0,574 | 0,753 |
| QT2 | Thành phần các loại tài liệu, hồ sơ chứng từ đề nghị kiểm soát tương đối đầy đủ, hợp lý, dễ hiểu | 0,396 | 0,803 |
| QT3 | Thời gian xử lý hồ sơ đúng quy định, hợp lý, tiết kiệm | 0,577 | 0,753 |
| QT4 | Trình tự tổ chức thực hiện các công việc một cách chặt chẽ | 0,702 | 0,721 |
| QT5 | Quy trình thủ tục, hồ sơ, thời gian kiểm soát được công khai, minh bạch | 0,683 | 0,730 |
| QT6 | Cơ chế tạm ứng, thu hồi tạm ứng hợp lý | 0,385 | 0,793 |
| **NĂNG LỰC, TRÁCH NHIỆM CÁN BỘ KIỂM SOÁT CHI** | | | **0,909** |
| NLCB1 | Cán bộ Kiểm soát chi có năng lực, chuyên môn nghiệp vụ tốt | 0,681 | 0,908 |
| NLCB2 | Cán bộ giải thích rõ ràng khi có sai sót về hồ sơ, thủ tục | 0,749 | 0,890 |
| NLCB3 | Thường xuyên kiểm tra kiểm soát chặt chẽ quá trình thanh toán, đảm bảo thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ khi dự án đã có đủ điều kiện và đúng quy định | 0,717 | 0,896 |
| NLCB4 | Cán bộ kiểm soát chi tuân thủ đúng quy trình khi kiểm soát chi vốn đầu tư | 0,866 | 0,865 |
| NLCB5 | Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn CĐT hoàn thành thủ tục thanh toán vốn đúng quy định | 0,840 | 0,872 |
| **NĂNG LỰC, TRÁCH NHIỆM NHÀ ĐẦU TƯ** | | | **0,853** |
| NLNDT1 | Chủ đầu tư có trình độ, năng lực chuyên môn | 0,782 | 0,771 |
| NLNDT2 | Chủ đầu tư chấp hành đúng chế độ chính sách về quản lý chi phí đầu tư, tình hình sử dụng vốn | 0,587 | 0,852 |
| NLNDT3 | Chủ đầu tư tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định | 0,761 | 0,777 |
| NLNDT4 | Chủ đầu tư báo cáo đầy đủ và hoàn thiện hồ sơ thủ tục thanh toán nhanh chóng, đúng quy định | 0,640 | 0,829 |
| **ỨNG DỤNG HỆ THỐNG TABMIS** | | | **0,729** |
| CN1 | Máy móc, trang thiết bị tại Kho bạc đầy đủ, hiện đại đủ điều kiện tổ chức TABMIS trong kiểm soát chi | 0,478 | 0,703 |
| CN2 | Hệ thống cam kết chi trong kiểm soát chi hiệu quả | 0,520 | 0,682 |
| CN3 | TABMIS góp phần giúp cán bộ kiểm soát chi kiểm soát được nguồn vốn dễ dàng | 0,674 | 0,510 |

*(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra với SPSS)*

Kết quả đánh giá độ tin cậy các thang đo cho thấy rằng, tất cả hệ số Cronbach’s Alpha của các thang đo đều lớn hơn 0,7 ; tức là thang đo này có thể sử dụng tốt.

Kết quả kiểm định KMO and Bartlett's Test ở bảng cho thấy, cơ sở dữ liệu này là hoàn toàn phù hợp vì giá trị kiểm định đạt 0,829 với độ tin cậy là 95% (Sig = 0,000 < 0,05). Điều này cho thấy kỹ thuật phân tích nhân tố là hoàn toàn có thể thực hiện được trong nghiên cứu này bởi vì quy mô mẫu thích hợp và đủ lớn để thực hiện.

Bảng 4. Kiểm định số lượng mẫu thích hợp KMO

(KMO and Bartlett's Test)

| Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy. | | 0,829 |
| --- | --- | --- |
| Bartlett's Test of Sphericity | Approx. Chi-Square | 2557,966 |
| Df | 231 |
| Sig | 0,000 |
| *(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra với SPSS)* | | |

Ngoài ra, giá trị kiểm định Bartlett’s Test với giả thuyết: H0 “*Các biến không tương quan với nhau”* bằng 2.557,966 với mức ý nghĩa thống kê dưới 5% đã bác bỏ giả thuyết H0, đồng nghĩa với việc các biến có tương quan với nhau và việc áp dụng phân tích nhân tố là thích hợp.

Bảng 5. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước tỉnh TT Huế

| **TT** | **Chỉ tiêu** | **Nhân tố (Component)** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **F1** | **F2** | **F3** | **F4** | **F5** |
| 1 | Cán bộ kiểm soát chi tuân thủ đúng quy trình khi kiểm soát chi vốn đầu tư | 0,897 |  |  |  |  |
| 2 | Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn CĐT hoàn thành thủ tục thanh toán vốn đúng quy định | 0,877 |  |  |  |  |
| 3 | Cán bộ giải thích rõ ràng khi có sai sót về hồ sơ, thủ tục | 0,845 |  |  |  |  |
| 4 | Thường xuyên kiểm tra kiểm soát chặt chẽ quá trình thanh toán, đảm bảo thanh toán vốn kịp thời, đầy đủ khi dự án đã có đủ điều kiện và đúng quy định | 0,790 |  |  |  |  |
| 5 | Cán bộ Kiểm soát chi có năng lực, chuyên môn nghiệp vụ tốt | 0,726 |  |  |  |  |
| 6 | Hệ thống văn bản, quy phạm pháp luật được công khai, minh bạch |  | 0,982 |  |  |  |
| 7 | Các văn bản, quy định về kiểm soát chi rõ ràng, phù hợp với thực tế |  | 0,971 |  |  |  |
| 8 | Các mẫu biễu, chứng từ, báo cáo ít thay đổi, đồng bộ và dễ thực hiện |  | 0,922 |  |  |  |
| 9 | Nội dung hệ thống văn bản pháp quy chi tiết, dễ hiểu |  | 0,909 |  |  |  |
| 10 | Chủ đầu tư chấp hành đúng chế độ chính sách về quản lý chi phí đầu tư, tình hình sử dụng vốn |  |  | 0,835 |  |  |
| 11 | Chủ đầu tư tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả, hoàn trả đủ số vốn đã tạm ứng theo quy định |  |  | 0,803 |  |  |
| 12 | Chủ đầu tư có trình độ, năng lực chuyên môn |  |  | 0,766 |  |  |
| 13 | Chủ đầu tư báo cáo đầy đủ và hoàn thiện hồ sơ thủ tục thanh toán nhanh chóng, đúng quy định |  |  | 0,683 |  |  |
| 14 | Trình tự tổ chức thực hiện các công việc một cách chặt chẽ |  |  |  | 0,763 |  |
| 15 | Quy trình thủ tục, hồ sơ, thời gian kiểm soát được công khai, minh bạch |  |  |  | 0,763 |  |
| 16 | Thời gian xử lý hồ sơ đúng quy định, hợp lý, tiết kiệm |  |  |  | 0,686 |  |
| 17 | Thành phần các loại tài liệu, hồ sơ chứng từ đề nghị kiểm soát tương đối đầy đủ, hợp lý, dễ hiểu |  |  |  | 0,594 |  |
| 18 | Quy trình kiểm soát chi hợp lý, thống nhất |  |  |  | 0,596 |  |
| 19 | Cơ chế tạm ứng, thu hồi tạm ứng hợp lý |  |  |  | 0,511 |  |
| 20 | Máy móc trang thiết bị tại kho bạc đầy đủ hiện đại đủ điều kiện tổ chức TABMIS |  |  |  |  | 0,822 |
| 21 | TABMIS góp phần giúp cán bộ kiểm soát chi kiểm soát được nguồn vốn dễ dàng hơn |  |  |  |  | 0,724 |
| 22 | Hệ thống cam kết chi trong kiểm soát chi hiệu quả |  |  |  |  | 0,515 |
| **Giá trị Eigen Value** | | **6,857** | **3,426** | **2,674** | **1,557** | **1,149** |
| **Mức độ giải thích của nhân tố (%)** | | **31,17** | **15,57** | **12,15** | **7,08** | **5,22** |
| **Mức độ giải thích tích lũy (%)** | | **31,17** | **46,74** | **58,89** | **65,97** | **71,19** |
|  | *(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra với SPSS)* | | | | | |

Kết quả phân nhân tố ở bảng 5 cho thấy, có 5 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước TT Huế thông qua đánh giá của các Cán bộ Kho bạc và các Chủ đầu tư. Ngoài ra, kết quả cũng cho thấy Phương sai tổng hợp (Eigen value) của 5 nhân tố thỏa mãn điều kiện lớn hơn 1, đồng thời hệ số tin cậy (Reliability) được tính cho các nhân tố (factor) mới cũng thỏa mãn yêu cầu lớn hơn 0,5. Các nhân tố mới đều được đặt tên theo đúng như thang đo trong Mô hình nghiên cứu tác giả đã đưa ra tại chương 1, cụ thể là:

*- Nhân tố thứ nhất (F1)*:Giá trị Eigenvalue bằng 6,857. Với các yếu tố điều tra nhân tố này được đặt tên là *Năng lực, trách nhiệm của cán bộ kiểm soát chi*.

- ***Nhân tố thứ hai (F2)***:Có giá trị Eigenvalue là 3,426. Với các yếu tố điều tra, nhân tố này được đặt tên là ***Cơ chế chính sách.***

- ***Nhân tố thứ ba (F3)***: Có giá trị Eigenvalue là 2,674. Với các yếu tố điều tra, nhân tố này được đặt tên là ***Năng lực, trách nhiệm của Chủ đầu tư.***

- *Nhân tố thứ tư (F4)*:Có giá trị Eigenvalue là 1,557. Với các yếu tố điều tra, nhân tố này được đặt tên là *Hồ sơ thủ tục, quy trình nghiệp vụ*. soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua Kho bạc nhà nước TT Huế.

- *Nhân tố thứ năm (F5)*:Có giá trị Eigenvalue là 1,149. Với các yếu tố điều tra, nhân tố này được đặt tên là *Ứng dụng hệ thống TABMIS*. Đây là nhân tố khá mới trong nghiên cứu, cũng được các đối tượng được phỏng vấn đánh giá quan trọng cuối cùng được 5,22 % công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua Kho bạc nhà nước TT Huế.

Ngoài ra, do tổng phương sai rút trích của tất cả các nhân tố đưa vào phân tích bằng **71,19 %** lớn hơn tiêu chuẩn 50% cho thấy sự phù hợp của phân tích nhân tố đối với tập hợp các biến nghiên cứu.

##### **Phân tích hồi quy và tương quan**

Dựa trên phân tích các nhân tố. Mô hình nghiên cứu được biểu diễn dưới dạng phương trình hồi quy tuyến tính đa biến như sau:

**Y = β­­­0 + β­­­1F1 + β­­2F2 + β­­­3F3+ β­­­4F4 +β­­­5F5 + e**

Trong đó:

Y: Công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua Kho bạc nhà nước tỉnh TT Huế

F1: Năng lực, trách nhiệm của cán bộ kiểm soát chi

F2: Cơ chế chính sách

F3: Năng lực, trách nhiệm của chủ đầu tư

F4: Hồ sơ thủ tục, quy trình nghiệp vụ

F5: ứng dụng hệ thống TABMIS

βi: Hệ số hồi quy riêng từng phần tương ứng với các biến độc lập Fi

e: Sai số của mô hình

Bảng 6. Kết quả phân tích hồi quy đa biến các nhân tố

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các biến phân tích** | | **Unstandardized Coefficients** | | | **Standardized Coefficients** | **T** | **Sig.** | **Collinearity Statistics (VIF)** |
| **B** | **Std. Error** | | **Beta** |
| (Constant) | | 0,948 | 0,282 | |  | 3,365 | 0,001 |  |
| F1 - Năng lực, trách nhiệm của cán bộ kiểm soát chi | | 0,140 | 0,059 | | 0,080 | 2,366 | 0,019 | 1,336 |
| F2 - Cơ chế chính sách | | 0,075 | 0,043 | | 0,140 | 1,794 | 0,002 | 1,120 |
| F3 - Năng lực, trách nhiệm của chủ đầu tư | | 0,688 | 0,062 | | 0,617 | 11,169 | 0,000 | 1,619 |
| F4 - Hồ sơ thủ tục, quy trình nghiệp vụ | | 0,241 | 0,075 | | 0,173 | 3,227 | 0,002 | 1,526 |
| F5 - Ứng dụng hệ thống TABMIS | | 0,148 | 0,063 | | 0,123 | 2,340 | 0,021 | 1,467 |
| ***Durbin – Watson*** | | **2,113** | |  | | | | |
| ***R bình phương điều chỉnh*** | | **0,720** | |  | | | | |
| ***F-Test*** | | **77,443** | |  | | | | |
| ***Sig*** | | **0,000** | |  | | | | |
|  | *(Nguồn: Xử lý số liệu điều tra với SPSS)* | | | | | | | |

Tại bảng phân tích hồi về các nhân tố ảnh hưởng đến công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước TT Huế được trình bày trong bảng 9, hệ số phóng đại phương sai VIF (Variance inflation factor - VIF) của các thành phần trong mô hình rất nhỏ < 2. Tất cả những điều này cho thấy về cơ bản các biến độc lập này không có quan hệ tương quan chặt chẽ với nhau nên không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra.Hay nói cách khác, hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập không ảnh hưởng đến kết quả giải thích của mô hình hồi quy.

**Y = 0,984 + 0,140 F1 + 0,075 F2 + 0,688 F3 + 0,241 F4 + 0,148 F5**

*3.2 Thảo luận và giải đáp*

Theo phương trình hồi quy phân tích được ở trên, có 5 nhân tố có mối quan hệ tuyến tính với công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước TT Huế với mức ý nghĩa Sig < 0,05. Tất cả đều có tác động dương, phản ánh tỷ lệ thuận đến công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB từ NSNN qua Kho bạc Nhà nước TT Huế.

Từ kết quả mô hình hồi quy tuyến tính cho thấy, hệ số hồi quy của các biến độc lập theo mức độ từ quan trọng đến ít quan trọng: F3 ***(Năng lực, trách nhiệm của chủ đầu tư)***, F4 ***(Hồ sơ thủ tục, quy trình nghiệp vụ)***, F5 ***(Ứng dụng hệ thống TABMIS)***, F1 ***(Năng lực, trách nhiệm của cán bộ kiểm soát chi)*** và F2 ***(Cơ chế chính sách)***.

- F3 (Năng lực, trách nhiệm của chủ đầu tư): Hệ số hồi quy của nhân tố F3 trong mô hình hồi quy bằng 0,688 với mức ý nghĩa <0,05 cho thấy nhân tố F3 có ảnh hưởng rất mạnh đến công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB tại Kho bạc. Trong điều kiện các nhân tố khác của mô hình không thay đổi, nếu điểm số của nhân tố này tăng lên 1% thì công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB tại Kho bạc tốt hơn thêm 0,68 % và ngược lại. Điều này là phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay, bởi vì nếu các chủ đầu tư có năng lực và trách nhiệm thì khi làm các hồ sơ, thủ tục sẽ tuân thủ đúng quy định, tránh được các sai phạm dẫn đến việc kiểm soát hồ sơ nhanh và hiệu quả hơn.

- F4 (Hồ sơ thủ tục, quy trình nghiệp vụ): Hệ số hồi quy của nhân tố F4 trong mô hình hồi quy bằng 0,241 có ý nghĩa ở mức < 0,05 cho thấy, trong điều kiện các nhân tố khác của mô hình không thay đổi, nếu điểm số của nhân tố này tăng lên 1% thì công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB tại Kho bạc tốt hơn thêm 0,241% và ngược lại.

- F5 (Ứng dụng hệ thống TABMIS): Hệ số hồi quy của nhân tố F5 trong mô hình hồi quy bằng 0,148 với mức ý nghĩa < 0,05. Trong điều kiện các nhân tố khác của mô hình không thay đổi, nếu điểm số của nhân tố này tăng lên 1% thì công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB tại Kho bạc tốt hơn thêm 0,148 % và ngược lại. Qua nghiên cứu thực tế cho thấy, một trong những yếu tố quan trọng việc Kiểm soát chi đó là ứng dụng hệ thống thông TABMIS tin trong quá trình quản lý, theo dõi và nó giúp các cán bộ thuận lợi hơn trong khâu xử lý. Qua đó, hiệu quả của công tác kiểm soát chi sẽ được nâng cao hơn.

- F1 (Năng lực, trách nhiệm của cán bộ kiểm soát chi): Với hệ số hồi quy của nhân tố F1 trong mô hình là 0,140 cho thấy, trong điều kiện các nhân tố khác của mô hình không thay đổi, nếu điểm số của nhân tố này tăng lên 1% thì công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB tại Kho bạc tốt hơn thêm 0,140 % và ngược lại.

- F2 (Cơ chế chính sách): Với hệ số hồi quy của nhân tố F2 trong mô hình là 0,075 cho thấy, trong điều kiện các nhân tố khác của mô hình không thay đổi, nếu điểm số của nhân tố này tăng lên 1% thì công tác Kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB tại Kho bạc tốt hơn thêm 0,075 % và ngược lại.

Từ đó tác giả đưa ra một số kiến nghị, giải pháp nhằm giúp hoàn thiện công tác kiểm soát chi đầu tưu XDCB từ nguồn NSNN qua KBNN như sau:

##### ***Hoàn thiện mô hình tổ chức phân cấp và phối hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm soát chi đầu tư XDCB từ NSNN.***

Để đảm bảo thực hiện thống nhất Quy trình kiểm soát chi đầu tư XDCB từ  
NSNN, nên quy định tại các đơn vị KBNN Huyện, thành phố chỉ nên thành lập 01 phòng, bộ phận làm nhiệm vụ kiểm soát chi đầu tư ngân sách tập trung và vốn chương trình mục tiêu.

Việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ, cần xem xét trên góc độ toàn hệ thống,  
xây dựng các tiêu chí để phân cấp thống nhất theo hướng:

- Dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách cấp Trung ương và tỉnh thì giao cho  
KBNN tỉnh kiểm soát chi.

- Dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách cấp huyện, thành phố, xã thì giao cho KBNN cấp huyện, thành phố kiểm soát chi.

- Dự án hỗn hợp nhiều nguồn vốn thì phần nguồn vốn ngân sách cấp nào  
chiếm tỷ trọng lớn thì KBNN cấp đó kiểm soát chi.

- Đối với các dự án vốn ngoài nước (ODA) có tiểu dự án, được phân cấp cho KBNN cấp huyện, thành phố thực hiện kiểm soát chi nếu nhà tài trợ có yêu cầu. Ngoài ra tùy theo trình độ cán bộ, khối lượng công việc, KBNN cấp tỉnh có thể phân cấp cho KBNN cấp huyện quản lý các công trình nguồn vốn ngân sách Trung ương và ngân sách cấp tỉnh tùy điều kiện cụ thể của từng KBNN và của từng dự án.

##### ***Nâng cao năng lực, chất lượng của đội ngũ cán bộ.***

Nâng cao chất lượng cán bộ để đảm bảo kiểm soát thanh toán chính xác, an toàn, tiết kiệm chi cho NSNN. Xử lý những tồn đọng khách quan như tính thời vụ trong thanh toán vốn đầu tư hang năm. Xử lý nhanh và chính xác trong báo cáo, hạch toán kế toán, thông tin điều hành ngân sách bằng các biện pháp tổng hợp như chấm điểm nghiệp vụ hàng tháng (gắn với thi đua và khuyến khích vật chất thu nhập); xây dựng phong trào thi đua gắn với chất lượng chuyên môn với công tác đoàn thể; tổ chức thi đua nghiệp vụ hàng năm sau mỗi kỳ tập huấn; tổ chức viết báo cáo sang kiến kinh nghiệm và báo cáo chuyên đề công tác hàng năm.

##### ***Hoàn thiện quy trình kiểm soát chi đầu tư XDCB***

*Một là:* hoàn thiện các khâu phân bổ kế hoạch vốn.

*Hai là:* Phối hợp 3 khâu chính trong kiểm soát chi đầu tư XDCB là phân bổ  
kế hoạch vốn, kiểm soát thanh toán và tất toán thành một hệ thống trong quá trình  
quản lý vốn.

*Ba là:* Hoàn thiện khâu chi đầu tư XDCB như là:

- Quy định cụ thể về thời gian và trách nhiệm hoàn tạm ứng (tập hồ sơ chứng  
từ làm thủ tục thanh toán hoàn tạm ứng).

- Nếu quá thời hạn quy định phải báo cáo người quyết định đầu tư xin ý kiến  
xử lý. Giao KBNN kiểm tra nếu sử dụng sai mục đích thì thu hồi nộp NSNN.

- Kinh phí thực hiện của hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng cần có cơ  
chế quản lý như những kinh phí khác có nguồn gốc từ NSNN.

*Bốn là*: Hoàn thiện khâu quyết toán vốn công trình hoàn thành và tất toán tài  
khoản cụ thể KBNN và chủ đầu tư có trách nhiệm cung cấp danh sách công  
trình, dự án hoàn thành trong năm (theo từng tháng) cho cơ quan Tài chính và Kế  
hoạch đầu tư. Căn cứ vào thời gian Nhà nước quy định hoàn thành quyết toán, cơ  
quan Tài chính theo dõi nếu quá hạn thì làm công văn nhắc nhở mỗi tháng một lần. Sau 3 lần nhắc nhở mà chủ đầu tư không hoàn thành thì chủ đầu tư (ban quản lý dự  
án) và cơ quan Tài chính phải báo cáo cấp quyết định đầu tư xin ý kiến chỉ đạo.

##### ***- Nâng cao ý thức chấp hành của chủ đầu tư***

Hiện nay, thực trạng về vấn đề ý thức chấp hành của các chủ đầu tư đối với các thủ tục, quy định của Nhà nước liên quan tới hoạt động chi vốn đầu tư XDCB tại các dự án của tỉnh TT Huế đang được đánh giá chưa cao. Điều này ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kiểm soát vì tốn kém nhiều thời gian, công sức trong việc kiểm tra, hoàn thiện hồ sơ dự án.

- Trước hết, cần phải cung cấp, hỗ trợ chủ đầu tư về các văn bản, quy định đối với thủ tục, giấy tờ liên quan đến hồ sơ dự án thông qua việc công khai, kèm theo hướng dẫn thực hiện tại điểm tiếp nhận hồ sơ cũng như hướng dẫn bằng văn bản đến các đơn vị chủ đầu tư.

- Tiếp theo, KBNN cần có những biện pháp đánh giá về ý thức của chủ đầu tư dự án trong việc hoàn thiện thủ tục, giấy tờ.

- Có sự trao đổi thường xuyên với lãnh đạo tỉnh về hoạt động thanh toán, tạm ứng của các dự án trong tỉnh, có những ý kiến trao đổi về ý thức của CĐT đối với công tác hoàn thiện hồ sơ, thủ tục, qua đó tạo áp lực từ phía chính quyền tỉnh tới các đơn vị CĐT chưa hoàn thành tốt công đoạn này.

##### ***- Hoàn thiện hệ thống thông tin TABMIS hướng đến kiểm soát chi theo hướng hoàn toàn tự động trên hệ thống.***

Sau khi đã hoàn thiện được công tác kiểm soát chi theo 4 ý kiến ở trên, tiếp đến tác giả mạnh dạn đưa ra đề xuất xây dựng một hệ thống kiểm soát chi hoàn toàn tự động theo hệ thống TABMIS. Cụ thể như sau:

Để hoàn thiện hệ thống TABMIS trong công tác Kiểm soát chi đầu tư XDCB hướng đến việc thực hiện kiểm soát chi tự động hoàn toàn theo TABMIS theo tác giả đề xuất thực hiện qua ba bước:

**Bước 1:** Xây dựng một cổng thông tin giao dịch KBNN trực tuyến, để hướng tới tất cả các cá nhân, đơn vị có giao dịch với KBNN đều có thể thực hiện giao dịch tự động qua cổng thông tin đó, như gửi hồ sơ thanh toán, sửa đổi thông tin…

##### **Bước 2:** Thiết kế xây dựng một phần mềm quản lý dự án đầu tư (tác giả tạm gọi là phần mềm IABMIS) kết hợp và trao đổi dữ liệu tự động với cổng thông tin giao dịch KBNN trực tuyến để tự động nhận những hồ sơ về dự án đầu tư xây dựng và tiến hành kiểm soát tự động. Và phần mềm này thực hiện theo công nghệ điện toán đám mâyđể tất cả các bên tham gia như chủ đầu tư, cơ quan tài chính, KBNN… có thể đăng nhập và xử lý theo từng phần hành nhiệm vụ được giao.Và sau khi kiểm soát chi IABMIS sẽ tự động chuyển lệnh chấp nhận hay từ chối thanh toán qua hệ thống TABMIS, và hệ thống chỉ cần hạch toán dựa trên đó.

##### **Bước 3:** Hoàn thiện các quy trình kiểm soát chi hiện hành hướng đến đưa ra một bộ quy chuẩn về quy trình kiểm soát tích hợp sẵn vào IABMIS làm cơ sở kiểm soát cho phần mềm.

**4. Kết luận**

Qua những nghiên cứu ở trên của tác giả, có thể thấy tầm quan trọng của quản lý đầu tư nói chung và hoạt động kiểm soát đầu tư xây dựng cơ bản nói riêng. Việc kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản hiệu quả có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển kinh tế của từng địa phương, từng ngành và cả nước, phục vụ đời sống nhân dân. Hoạt động kiểm soát đầu tư vốn XDCB qua KBNN luôn luôn là một công việc nhận được sự quan tâm chỉ đạo cũng như thực hiện của KBNN các cấp. Công tác này cũng đóng vai trò quan trọng trong việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách, cũng như tác động tích cực tới việc triển khai dự án đầu tư một cách nhanh chóng, sớm đưa các dự án vào hoạt động để đem lại lợi ích cho hoạt động phát triển kinh tế xã hội.

Qua những nghiên cứu lý thuyết cũng như áp dụng cho việc phân tích thực trạng hoạt động kiểm soát đầu tư vốn XDCB qua KBNN Thừa Thiên Huế, tác giả đã chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu trong hoạt động này tại KBNN Thừa Thiên Huế,. Đồng thời, từ những thực trạng, điểm yếu tác giả đã chỉ ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát chi đầu tư vốn XDCB qua KBNN tỉnh Thừa Thiên Huế,. Các giải pháp bao gồm hoàn thiện quy trình, thủ tục, nâng cao năng lực cán bộ, tăng cường áp dụng CNTT trong hoạt động kiểm soát, từng bước đưa hệ thống TABMIS tham gia vào tất cả các khâu Kiểm soát chi đầu tư XDCB nói riêng cũng như chi NSNN nói chung.

**Tài liệu tham khảo**

**Bộ Tài Chính** (1996), *Thông tư số 63 TC/ĐTPT ngày 02 tháng 11 năm 1996 Hướng dẫn về việc quản lý cấp phát vốn đầu tư XDCB thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.*

**Bộ Tài Chính** (2011), *Thông tư số 109/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 01/08/2011 về Hướng dẫn mở và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước trong điều kiện áp dụng TABMIS*

**Bộ Tài Chính** (2016), *Thông tư số 40/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 01/03/2016 về Hướng dẫn quản lý và kiểm soát cam kết chi ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước.*

**Bộ Tài Chính** (2016), *Thông tư số 08/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 18/01/2016 quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.*

**Bộ Tài Chính** (2011), *Thông tư số 86/2011/TT-BTC ngày 17/06/2011 Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn NSNN*.

**Chính phủ** (2009), *Nghị định số 112/2009/ NĐ-CP ban hành ngày 14/12/2009 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.*

**Chính phủ** (2010), *Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ban hành ngày 07/05/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.*

**Cục Thống kê** Thừa Thiên Huế (2017), *Niên giám thống kê 2017,* NXB Thống kê.

**Kho bạc Nhà nước** (2010), *Cẩm nang kiểm soát chi ngân sách qua KBNN*, NXB Tài chính.

**Kho bạc Nhà nước** (2012), *Quyết định số 282/ QĐ-KBNN ngày 20/04/2012 Ban hành quy trình kiểm soát thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư qua hệ thống KBNN*.

**KBNN** tỉnh Thừa Thiên Huế (2014, 2015, 2016, 2017), *Báo cáo quyết toán vốn đầu tư XDCB niên độ NSNN năm* 2014, 2015, 2016, 2017.

**KBNN** tỉnh Thừa Thiên Huế (2014, 2015, 2016, 2017), *Báo cáo chi NSNN niên độ năm* 2014, 2015, 2016, 2017.

**KBNN** tỉnh Thừa Thiên Huế (2014, 2015, 2016, 2017), *Báo cáo quyết toán vốn đầu tư XDCB niên độ NSNN năm* 2014, 2015, 2016, 2017.

**KBNN** tỉnh Thừa Thiên Huế (2014, 2015, 2016, 2017), *Báo cáo thu NSNN niên độ năm* 202014, 2015, 2016, 2017.12, 2013, 2014, 2015.

**Nguyễn Thái Hà** (2006), *Thực trạng và một số giải pháp nâng cao chất lượng kiểm soát thanh toán vốn đầu tư XDCB qua hệ thống KBNN*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành KBNN;

**research OF Cost control on Investment in capital construction from the State Budget at the Thua Thien Hue State Treasury**

***Phan Xuan Quang Minh***

***Faculty of accounting & Auditing, University of Economics, Hue University***

***Abstract****: The* [*scientific*](http://tratu.soha.vn/dict/en_vn/Scientific)***research*** *“ Cost control on Investment in capital construction from the State Budget at the Thua Thien Hue State Treasury” learns about the current state of expense control of investment expenditure through situational analysis methods such as face-to-face interviews or documentary surveys in order to find out the achieved problems or limit of control work . Specifically, answer the question of whether TABMIS system can fully participate in the cost control on current investment in the near future or not?*

*The scientific significance of the* [*scientific*](http://tratu.soha.vn/dict/en_vn/Scientific)***research*** *is that it provides a more concrete view of the cost control on investment in capital construction from the current state budget, and proposes general and systematic solutions such as the construction of a completely automated control system which most of the previous thesis on the control on investment did not mentioned. In practice, the author hopes that the thesis can contribute suggestions to the government, finance ministry and state treasury at all levels to improve the cost control at the state treasury. The cost control in the treasury is only to check the legality and validity of the statements, but not to participate in details of the project works.*

***Key words:*** *Cost control, Investment in capital construction, TABMIS, by hands, automated.*